

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-22

D.030
C
TRÁCH
VI
VI-T

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Bột Giặt Net cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bột Giặt Net ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 ngày 01 tháng 7 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu và số 3600642822 (số đăng ký kinh doanh cũ 4703000053) thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 7 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán NET và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 15 tháng 9 năm 2010.

Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Công ty có hai chi nhánh trực thuộc được đặt tại thành phố Hà Nội và tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, hoạt động chính của Công ty là sản xuất bột giặt và các chất tẩy rửa tổng hợp, cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông	Phạm Quang Hòa	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Bà	Thái Thị Hồng Yến	Ủy viên
Ông	Lê Ngọc Quang	Ủy viên
Ông	Lê Văn Bách	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 07/04/2012)
Ông	Trần Tuấn Khanh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 07/04/2012)

Ban Giám đốc

Ông	Phạm Quang Hòa	Giám đốc Điều hành
Ông	Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Nhân sự
Bà	Thái Thị Hồng Yến	Giám đốc Thương mại
Ông	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Kỹ thuật
Ông	Phạm Quốc Cường	Giám đốc Sản xuất (bổ nhiệm ngày 10/03/2012)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

0442
ÔNG
HIỆM
BDC
TN
HỒ

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông PHẠM QUANG HÒA
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Biên Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Số : 00042HCM/55.12(SX)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bột Giặt Net**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Bột Giặt Net (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2012 và trình bày từ trang 4 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.


Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.




NGUYỄN THỊ THANH
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0185/KTV

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0179/KTV**CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168.540.666.455	196.862.107.028
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	78.285.841.878	86.029.479.923
Tiền	111		11.653.147.878	8.101.163.523
Các khoản tương đương tiền	112		66.632.694.000	77.928.316.400
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	25.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	-	25.000.000.000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		30.541.872.636	23.530.900.515
Phải thu khách hàng	131	4.3	23.921.327.883	22.185.199.632
Trả trước cho người bán	132	4.4	6.274.185.080	631.662.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	371.512.728	739.191.938
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.3	(25.153.055)	(25.153.055)
Hàng tồn kho	140	4.6	55.571.880.486	58.989.356.467
Hàng tồn kho	141		55.571.880.486	58.989.356.467
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.141.071.455	3.312.370.123
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.552.882	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	3.855.718.573	3.231.756.354
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	220.800.000	80.613.769

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.121.645.995	61.111.110.187
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		64.377.255.595	60.282.719.787
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	61.377.238.177	50.937.274.988
Nguyên giá	222		100.154.725.071	86.478.101.624
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.777.486.894)	(35.540.826.636)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	3.000.017.418	9.345.444.799
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		716.390.400	716.390.400
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	4.10	716.390.400	716.390.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		28.000.000	112.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	28.000.000	112.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		233.662.312.450	257.973.217.215

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN			-	-
NỢ PHẢI TRẢ	300		71.500.499.839	81.621.039.661
Nợ ngắn hạn	310		71.500.499.839	81.621.039.661
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	809.730.000
Phải trả cho người bán	312	4.12	48.508.799.798	48.620.118.098
Người mua trả tiền trước	313		2.932.811.868	7.739.602.780
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	2.610.760.341	2.932.096.190
Phải trả công nhân viên	315		3.204.622.189	-
Chi phí phải trả	316	4.14	1.404.079.551	1.967.448.356
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	4.815.846.859	9.948.855.920
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.16	8.023.579.233	9.603.188.317
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.161.812.611	176.352.177.554
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	162.161.812.611	176.352.177.554
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		79.994.460.000	79.994.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		5.829.234.472	5.829.234.472
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.987.317.476	7.987.317.476
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		68.350.800.663	82.541.165.606
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		233.662.312.450	257.973.217.215

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 30 tháng 6 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		1.158.415.293	3.072.313.530
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.18	530.241.298	530.241.298
Ngoại tệ các loại (USD)	4.1	780.763,20	1.341.204,15
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



TRẦN THỊ ÁI LIÊN
 Kế toán trưởng



PHẠM QUANG HÒA
 Giám đốc

Thành phố Biên Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2012

1489
 IG T
 ỀM HƯ
 DO
 NA
 HỒ S

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		330.338.323.600	238.977.181.709
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	330.338.323.600	238.977.181.709
Giá vốn hàng bán	11	5.2	263.254.888.672	174.684.941.097
Lợi nhuận gộp	20		67.083.434.928	64.292.240.612
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.777.239.254	7.768.487.350
Chi phí tài chính	22	5.4	117.161.048	550.765.818
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		5.774.236	4.748.301
Chi phí bán hàng	24	5.5	36.886.689.104	25.217.817.251
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	7.472.421.435	7.614.397.785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		28.384.402.595	38.677.747.108
Thu nhập khác	31	5.7	2.354.562.165	484.053.358
Chi phí khác	32	5.8	649.585.900	400.000
Lợi nhuận khác	40		1.704.976.265	483.653.358
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.089.378.860	39.161.400.466
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	3.682.513.803	3.956.576.440
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.406.865.057	35.204.824.026
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	3.301	7.823



TRẦN THỊ ÁI LIÊN
Kế toán trưởng



PHẠM QUANG HÒA
Giám đốc

Thành phố Biên Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	30.089.378.860	39.161.400.466
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.492.772.760	2.693.252.850
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.256.777.219)	(4.117.287.091)
Chi phí lãi vay	06	5.774.236	4.748.301
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	28.331.148.637	37.742.114.526
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.795.687.571)	(1.557.152.940)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.417.475.981	(12.382.321.933)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(7.652.977.822)	14.660.492.205
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	19.447.118	84.000.000
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.469.569)	(4.748.301)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.229.831.589)	(3.500.343.139)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.338.000	103.836.500
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.182.947.084)	(465.289.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.894.496.101	34.680.587.044
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.285.358.863)	(10.172.782.502)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	109.545.455	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	25.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.344.119.262	4.117.287.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.168.305.854	(6.055.495.411)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	686.828.923	936.708.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.496.558.923)	(936.708.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.996.710.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.806.440.000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(7.743.638.045)	28.625.091.633
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	86.029.479.923	78.156.009.747
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	78.285.841.878	106.781.101.380



TRẦN THỊ ÁI LIÊN
Kế toán trưởng



PHẠM QUANG HÒA
Giám đốc

Thành phố Biên Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Bột Giặt Net ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 ngày 01 tháng 7 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu và số 3600642822 (số đăng ký kinh doanh cũ 4703000053) thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 7 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán NET và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 15 tháng 9 năm 2010.

Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Công ty có hai chi nhánh trực thuộc được đặt tại thành phố Hà Nội và tại thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất, mua bán chất tẩy rửa, mỹ phẩm và các vật tư liên quan đến sản xuất mỹ phẩm;
- Mua bán các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa;
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng ;
- Sản xuất nước uống đóng chai;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2012 là sản xuất bột giặt và các chất tẩy rửa tổng hợp, cho thuê kho, nhà xưởng.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 723 người (năm 2011 : 680 người), trong đó số nhân viên quản lý là 69 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm/kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm/kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Thành phẩm sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm/kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

3.6 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.7 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

3.9 Quỹ tiền lương

6 tháng đầu năm 2012, Quỹ tiền lương của Công ty được tạm trích và ghi nhận dựa trên cơ sở đơn giá tiền lương do Tập đoàn Hoá Chất Việt Nam quy định theo Công văn số 879/HCVN-TCNS ngày 23 tháng 8 năm 2011.

3.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua, dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được tính từ năm 2004 đối với các hoạt động như sau :

Hoạt động	Ưu đãi thuế suất		Ưu đãi về thời gian miễn, giảm	
	Thuế suất	Thời gian	Miễn	Giảm 50%
Sản xuất bột giặt, các chất tẩy rửa tổng hợp	15%	12 năm	3 năm	7 năm
Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng bán	20%	10 năm	2 năm	6 năm

3.12 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cũng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	1 A Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Công ty mẹ
Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa	Đường số 5, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	Cùng tập đoàn

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền tồn quỹ	467.061.761	434.854.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.186.086.117	7.666.309.523
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	66.632.694.000	77.928.316.400
	<u>78.285.841.878</u>	<u>86.029.479.923</u>

Số dư tiền tại quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm :

	Nguyên tệ	tương đương VND
Đồng Việt Nam		394.251.761
Vàng (lượng)	4,5	72.810.000
		<u>467.061.761</u>

Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm :

	Nguyên tệ	tương đương VND
Đồng Việt Nam		5.549.552.113
Đô la Mỹ	270.263,20	5.636.534.004
		<u>11.186.086.117</u>

Số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm :

	Nguyên tệ	tương đương VND
Đồng Việt Nam		56.000.000.000
Đô la Mỹ	510.500,00	10.632.694.000
		<u>66.632.694.000</u>

4.2 Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng	-	25.000.000.000
	<u>-</u>	<u>25.000.000.000</u>

4.3 Các khoản phải thu thương mại

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu thương mại - bên thứ ba	23.921.327.883	22.185.199.632
Dự phòng phải thu khó đòi	(25.153.055)	(25.153.055)
	<u>23.896.174.828</u>	<u>22.160.046.577</u>

Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	6 tháng đầu năm 2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	25.153.055	12.902.922
Dự phòng trong năm/kỳ	-	12.250.133
Số dư cuối năm/kỳ	<u>25.153.055</u>	<u>25.153.055</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhà cung cấp nguyên liệu, vật tư	3.884.790.080	221.700.000
Nhà cung cấp máy móc thiết bị, thầu xây dựng	2.389.395.000	409.962.000
	6.274.185.080	631.662.000

4.5 Phải thu khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	340.000.000	599.398.486
Kinh phí công đoàn	-	127.024.724
Phải thu khác	31.512.728	12.768.728
	371.512.728	739.191.938

4.6 Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu chính	40.825.347.014	41.738.798.817
Công cụ, dụng cụ	115.492.517	105.038.101
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.336.137.084	1.589.762.408
Thành phẩm	13.294.903.871	15.399.780.359
Hàng hoá	-	155.976.782
Cộng giá gốc hàng tồn kho	55.571.880.486	58.989.356.467
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	55.571.880.486	58.989.356.467

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	205.300.000	65.113.769
Ký quỹ	15.500.000	15.500.000
	220.800.000	80.613.769

30044
 CÔNG
 TH NHIỆM
 BDC
 ỆT N
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2012	37.286.769.030	41.380.898.339	6.391.569.913	1.418.864.342	86.478.101.624
Tăng trong kỳ					
- XDCB hoàn thành	1.266.332.419	9.802.271.028	-	-	11.068.603.447
- Mua sắm mới	-	3.061.020.000	-	-	3.061.020.000
Thanh lý tài sản cố định	-	(453.000.000)	-	-	(453.000.000)
Vào ngày 30/06/2012	38.553.101.449	53.791.189.367	6.391.569.913	1.418.864.342	100.154.725.071
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2012	13.364.393.956	19.565.147.900	1.838.654.295	772.630.485	35.540.826.636
Khấu hao trong kỳ	872.158.458	2.230.371.344	323.439.516	66.803.442	3.492.772.760
Thanh lý tài sản cố định	-	(256.112.502)	-	-	(256.112.502)
Vào ngày 30/06/2012	14.236.552.414	21.539.406.742	2.162.093.811	839.433.927	38.777.486.894
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2012	23.922.375.074	21.815.750.439	4.552.915.618	646.233.857	50.937.274.988
Vào ngày 30/06/2012	24.316.549.035	32.251.782.625	4.229.476.102	579.430.415	61.377.238.177

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 4.431.789.491 VND.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Hạng mục công trình	Số đầu kỳ 01/01/2012 VND	Tăng trong kỳ VND	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ VND	Kết chuyển khác trong kỳ VND	Số cuối kỳ 30/06/2012 VND
MMTB nhà xưởng sản xuất	7.210.402.400	215.275.320	7.425.677.720	-	-
Máy in phun và máy dán	-	1.837.110.000	-	-	1.837.110.000
Các hạng mục khác	2.135.042.399	2.736.437.746	3.642.925.727	65.647.000	1.162.907.418
	9.345.444.799	4.788.823.066	11.068.603.447	65.647.000	3.000.017.418

4.10 Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu – Công ty CP Rau quả Cần Thơ (6.600 cổ phần, mệnh giá 100.000 VND/cổ phần)	716.390.400	716.390.400
	716.390.400	716.390.400

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa nền kho (phân bổ trong 24 tháng, từ tháng 9 năm 2010)	28.000.000	112.000.000
	28.000.000	112.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.12	Phải trả người bán	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
	Nhà cung cấp nguyên liệu, vật tư	47.139.383.398	47.852.018.911
	Nhà cung cấp máy móc thiết bị, thầu xây dựng	1.369.416.400	768.099.187
		48.508.799.798	48.620.118.098
4.13	Thuế		
	<i>Thuế phải thu</i>	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	3.855.718.573	3.231.756.354
		3.855.718.573	3.231.756.354
	<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
	Thuế GTGT đầu ra phải nộp	127.113.087	78.761.888
	Thuế nhập khẩu	661.798.672	516.550.076
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.757.560.260	2.304.878.046
	Thuế thu nhập cá nhân	64.288.322	31.906.180
		2.610.760.341	2.932.096.190
4.14	Chi phí phải trả	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
	Chi phí hoa hồng, khuyến mại	603.580.788	775.626.011
	Chi phí vận chuyển	637.580.763	918.237.049
	Tiền ăn giữa ca	162.918.000	154.672.000
	Khác	-	118.913.296
		1.404.079.551	1.967.448.356
4.15	Phải trả khác	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
	Kinh phí công đoàn	244.812.729	-
	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	237.600.581	182.407.304
	Cổ tức phải trả cổ đông	1.107.980	587.980
	Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt nam	711.208.620	997.482.880
	Tiền lương phải trả người lao động	-	5.093.293.041
	Các khoản phải trả khác	3.621.116.949	3.675.084.715
		4.815.846.859	9.948.855.920
4.16	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6 tháng đầu	2011
		năm 2012	
		VND	VND
	Số dư đầu năm	9.603.188.317	2.639.774.642
	Tăng do trích từ lợi nhuận	600.000.000	8.690.543.000
	Tăng từ nguồn khác	3.338.000	103.836.500
	Sử dụng trong năm/kỳ	(2.182.947.084)	(1.830.965.825)
	Số dư cuối năm/kỳ	8.023.579.233	9.603.188.317

CÔNG TY CỔ PHẦN BƠT GIAT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước						
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	(780.247.019)	7.430.491.396	4.500.000.000	75.379.480.513	131.529.724.890
Tăng vốn năm trước	34.994.460.000	-	(6.996.430.000)	-	(27.998.030.000)	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	75.237.550.016	75.237.550.016
Trích quỹ	-	-	5.395.173.076	3.492.118.847	(8.887.291.923)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(8.690.543.000)	(8.690.543.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
Hoàn nhập đánh giá số dư có góc ngoại tệ	-	780.247.019	-	-		780.247.019
Sử dụng quỹ	-	-	-	(4.801.371)		(4.801.371)
Số dư cuối năm trước	79.994.460.000	-	5.829.234.472	7.987.317.476	82.541.165.606	176.352.177.554
Kỳ này						
Số dư đầu năm	79.994.460.000	-	5.829.234.472	7.987.317.476	82.541.165.606	176.352.177.554
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	26.406.865.057	26.406.865.057
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(39.997.230.000)	(39.997.230.000)
Số dư cuối kỳ	79.994.460.000	-	5.829.234.472	7.987.317.476	68.350.800.663	162.161.812.611

Theo Nghị quyết số 03/NQ/ĐHCB-2012 ngày 07 tháng 4 năm 2012 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2012, Công ty chia cổ tức 39.997.230.000 VND và trích quỹ khen thưởng ban điều hành là 600.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

4.17 **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2012 VND	2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	79.994.460.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm/kỳ	-	34.994.460.000
Vốn góp giảm trong năm/kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm/kỳ	79.994.460.000	79.994.460.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	39.997.230.000	50.498.030.000

Cổ phiếu

	30/06/2012	01/01/2012
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.999.446	7.999.446
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.999.446	7.999.446
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.446	7.999.446

Cổ phiếu ưu đãi : không có

4.18 **Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối**

Nợ khó đòi đã xử lý	6 tháng đầu năm 2012 VND	2011 VND
Số đầu năm	530.241.298	713.577.799
Tăng trong năm/kỳ	-	-
Giảm trong năm/kỳ (nợ quá 10 năm không còn theo dõi)	-	(183.336.501)
Số cuối năm/kỳ	530.241.298	530.241.298

5. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

5.1 **Doanh thu thuần**

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Doanh thu bán sản phẩm / xuất khẩu	114.110.499.854	110.249.896.982
Doanh thu bán hàng hoá, vật tư / xuất khẩu	194.516.809	-
Doanh thu bán sản phẩm / trong nước	175.561.671.190	85.275.790.064
Doanh thu gia công	27.992.443.996	32.445.832.926
Doanh thu bán hàng hoá, vật tư / trong nước	614.767.001	232.765.102
Doanh thu cho thuê nhà xưởng và khác	11.864.424.750	10.772.896.635
	330.338.323.600	238.977.181.709

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

5.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Giá vốn hàng bán, gia công	256.429.062.971	170.044.231.094
Giá vốn khác	6.825.825.701	4.640.710.003
	<u>263.254.888.672</u>	<u>174.684.941.097</u>

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.344.119.262	4.117.287.091
Lãi chênh lệch tỷ giá	433.119.992	3.651.200.259
	<u>5.777.239.254</u>	<u>7.768.487.350</u>

5.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	5.774.236	4.748.301
Lỗ chênh lệch tỷ giá	111.386.812	546.017.517
	<u>117.161.048</u>	<u>550.765.818</u>

5.5 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí lương nhân viên	4.338.560.410	5.627.292.123
Chi phí vật liệu, nhiên liệu, bao bì	1.866.959.681	1.540.125.759
Khấu hao tài sản cố định	446.143.374	405.179.643
Chi phí vận chuyển	6.716.352.529	5.640.376.801
Chi phí khuyến mãi bằng tặng phẩm	13.833.458.759	7.000.073.803
Chi phí vận chuyển, hoa hồng, khuyến mãi và các chi phí khác	9.685.214.351	5.004.769.122
	<u>36.886.689.104</u>	<u>25.217.817.251</u>

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.324.329.269	3.905.842.996
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	347.978.542	375.936.949
Nhiên liệu	159.056.679	99.604.150
Khấu hao tài sản cố định	291.785.505	254.710.305
Thuế, lệ phí	96.000.000	96.000.000
Tiền ăn giữa ca	964.679.000	855.345.000
Chi phí bằng tiền khác	2.298.592.440	2.026.958.385
	<u>7.472.421.435</u>	<u>7.614.397.785</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

5.7 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Thu thanh lý tài sản	109.545.455	-
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	431.229.887
Thu bồi thường không thực hiện hợp đồng	2.230.012.710	-
Thu nhập khác	15.004.000	52.823.471
	2.354.562.165	484.053.358

5.8 Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	196.887.498	-
Chi phí khác	452.698.402	400.000
	649.585.900	400.000

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	30.089.378.860	39.161.400.466
Điều chỉnh các khoản tăng/giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận tính thuế:		
- Chi phí không được khấu trừ	800.000	-
Lợi nhuận chịu thuế trong kỳ	30.090.178.860	39.161.400.466
Trong đó :		
Thu nhập theo thuế suất ưu đãi (15%x50%)	21.943.033.786	33.335.849.584
Thu nhập theo thuế suất phổ thông 25%	8.147.145.074	5.825.550.882
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.682.513.803	3.956.576.440

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	26.406.865.057	35.204.824.026
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	VND	26.406.865.057	35.204.824.026
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	7.999.446	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	3.301	7.823

5.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	241.795.621.375	156.828.166.947
<i>Nguyên vật liệu chính</i>	148.934.906.325	97.844.844.186
<i>Nguyên vật liệu phụ</i>	72.052.635.531	41.980.149.694
<i>Nhiên liệu</i>	20.808.079.519	17.003.173.067
Chi phí nhân công	17.394.637.670	19.205.583.343
<i>Tiền lương</i>	15.979.864.236	17.849.999.049
<i>Kinh phí công đoàn</i>	319.597.284	356.999.980
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	863.858.358	770.674.334
<i>Bảo hiểm y tế</i>	180.390.123	180.435.217
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	50.927.669	47.474.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.492.772.760	2.693.252.850
Chi phí khác bằng tiền	42.475.811.977	21.741.693.549
	305.158.843.782	200.468.696.689

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong 6 tháng đầu năm 2012, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với công ty có liên quan như sau :

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam	Cổ tức	20.399.105.000
Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa	Mua nguyên vật liệu	8.858.707.000

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, số dư các khoản phải trả các công ty có liên quan như sau :

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa	Mua nguyên vật liệu	2.394.502.550

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2012:

	VND
Lương, thưởng và thù lao khác	829.435.000



TRẦN THỊ ÁI LIÊN
Kế toán trưởng



PHẠM QUANG HÒA
Giám đốc

Thành phố Biên Hòa, ngày 10 tháng 8 năm 2012

BDO VIET NAM

Ho Chi Minh City Head Office
Indochina Park Tower
4 Nguyen Dinh Chieu City, 2/F
District 1, Ho Chi Minh City
Tel: +84 8 22200237
Fax: +84 8 22200265
Email: bdo.hcmc@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

Hanoi Office
93/B1 Cau Giay Street
Quan Hoa Ward
Cau Giay District, Hanoi
Tel: +84 4 37670657 / 37670658
Fax: +84 4 37670555
Email: bdo.hn@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

Can Tho Office
237A5 30 Thang 4 Street
Hung Loi Ward
Ninh Kieu District, Can Tho City
Tel: +84 710 3827888
Fax: +84 710 3823209
Email: bdo.ct@bdo.vn

www.e-bdo.com/vietnam

BDO Vietnam Co., Ltd. a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms.